

Bản án số: **07** /2018/ DS-ST

Ngày 20/04/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô, ông Nguyễn Quang Vinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/04/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2017/DSST ngày 14 tháng 06 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-DSTC ngày 06/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐ-DSTC ngày 06/03/2018, và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐ-DSTC ngày 06/04/2018 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc Ng – sinh năm 1973

Trú quán: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Ông Đỗ Huy Th, sinh năm 1959

Bà: Nguyễn Bích L, sinh năm 1965

Trú quán: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974.

Trú quán: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo ông Nguyễn Ngọc Ng trình bày: Do mối quan hệ họ hàng giữa nhà ông với nhà ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L, lúc đó vợ chồng ông có cửa hàng vàng bạc, ông Th bà L do cần vốn để làm ăn và có đặt vấn đề vay tiền của ông để làm ăn.

Bắt đầu vay nợ của vợ ông từ cuối năm 2010 đến cuối năm 2013, những khoản vay này đã thanh toán cho vợ ông, không liên quan đến ông.

Bắt đầu năm 2014 ông có cho vợ chồng ông Th, bà L vay tiền, các lần vay cụ thể:

Ngày 27/06/2014 vay của ông số tiền 56.000.000đồng, trong đó có 50 triệu vay ngày hôm đó và 06 triệu (nợ cũ) vay ngày hôm trước (26/06/2014), chị L nhận tiền, đến ngày 27/06/2014 chị L viết giấy vay tiền và ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/ tháng, khi vay không có thỏa thuận ngày trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại.

Ngày 18/08/2014 vay của ông số tiền 350.000.000đồng, đến 10/09/2014 chị L đã trả 170.000.000đồng, số tiền còn nợ đến ngày 10/9/2014 là 180.000.000đồng, chị L nhận tiền vay và ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/ tháng, khi vay không có thỏa thuận ngày trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại.

Ngày 22/12/2014 vay của ông số tiền 1.314.900.000đồng, chị L, anh Th nhận tiền, chị L viết giấy vay tiền và chị L, anh Th ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/ tháng, khi vay không có thỏa thuận ngày trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại.

Tối ngày 22/12/2014 ông Th, bà L còn vay thêm của ông số tiền 2.465.000.000đồng, chị L, anh Th nhận tiền, chị L viết giấy vay tiền và chị L, anh Th ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/ tháng, khi vay không có thỏa thuận ngày trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại. Trong giấy vay tiền chị L viết giấy vay do ông không để ý nên số tiền bằng chữ và số tiền bằng số không khớp nhau, nhưng số tiền vay là 2.465.000.000đồng.

Ngày 26/12/2014 vay của ông số tiền 246.600.000đồng, chị L, anh Th nhận tiền, chị L viết giấy vay tiền và chị L, anh Th ký nhận, trong giấy vay không thỏa thuận lãi xuất nhưng có thỏa thuận miệng 2%/ tháng, khi vay không có thỏa thuận ngày trả nhưng có thỏa thuận miệng khi nào ông mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại.

Ngày 30/12/2014 vay của ông số tiền 2.980.000.000đồng, chị L, anh Th nhận tiền, chị L viết giấy vay tiền và chị L, anh Th ký nhận, trong giấy vay có thỏa thuận lãi xuất 2%/ tháng (cho trả dần tiền lãi), khi vay không có thỏa thuận ngày trả có thỏa thuận miệng khi nào tôi mở lại của hàng vàng thì sẽ trả lại. Trong giấy vay tiền chị L viết giấy vay do ông không để ý nên số tiền bằng chữ và số tiền bằng số không khớp nhau, nhưng số tiền vay là 2.980.000.000đồng.

Trong giấy vay tiền chị L không ghi mục đích vay tiền nhưng có nói với ông mục đích vay tiền để đầu tư làm ăn cho gia đình, lúc đó do là họ hàng thường xuyên qua lại nhà nhau nên ông biết chị L và anh Th có đầu tư làm ăn. Toàn bộ số tiền ông cho chị L anh Th vay khi viết giấy vay nợ ông giao tiền cho chị L, anh

Th, khi ông cho vợ chồng ông Th vay tiền không có ai chứng kiến, ông là người cho vay, vợ ông không biết việc vay nợ này.

Từ khi cho vay đến nay vợ chồng anh Th, chị L chưa thanh toán cho ông một đồng tiền gốc và tiền lãi nào, ông có đến đòi nhiều lần nhưng anh Th, chị L nói khi nào có tiền sẽ trả cho ông.

Thời gian trước năm 2014 thì vợ chồng ông cũng cho ông Th, bà Liên vay tiền từ khoảng năm 2011 cho đến năm 2013. Mặt sau của những giấy vay tiền có chữ viết tính lãi của vợ anh (H). Nhưng những khoản tiền vay này đã thanh toán xong với nhau. Sau khi thanh toán xong thì vợ chồng ông Th, bà L lại vay đúng số tiền như vậy. Những khoản tiền vay này thì ông Th, bà L đều đã thanh toán xong cho vợ chồng ông và không liên quan gì đến các khoản vay vào năm 2014 mà ông yêu cầu trong vụ án.

Đối với quyển sổ do bà L xuất trình thì chữ viết trong quyển sổ là chữ viết của vợ ông (H). Nhưng đây là nháp của các khoản vay trước, không liên quan đến khoản vay của ông cho vay và cũng không liên quan đến khoản vay 2.980.000.000đ mà ông(Ng) khởi kiện ra tòa.

Tổng số tiền ông cho vợ chồng ông Th vay là: 7.242.500.000đồng. Nay ông đề nghị vợ chồng anh Th, chị L phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 7.242.500.000đồng và tiền lãi theo lãi xuất cơ bản của nhà nước tại thời điểm ông cho vay từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Huy Th bà Nguyễn Thị L có bản tự khai và lời khai tại Tòa trình bày: Do mối quan hệ giữa vợ chồng ông, bà với ông Ng là quan hệ họ hàng, khoảng năm 2010 đến năm 2013 bà L có vay của vợ chồng ông Ng nhiều lần, tổng số tiền vay là 1.541.000.000đồng. Cụ thể:

- Từ ngày 25/7/2011 đến 28/09/2011 vay 13 khoản tiền tổng số tiền gốc là 882.900.000đồng.

- Từ ngày 14/10/2011 đến 29/01/2012 vay 6 khoản tiền tổng số tiền gốc là 460.000.000đồng.

- Ngày 26/03/2013 vay số tiền 199.000.000đồng.

Đến năm 2014 vợ chồng ông, bà có vay của ông Nguyễn Ngọc Ng 02 lần, cụ thể:

Ngày 27/06/2014 vợ chồng vay 56.000.000đồng.

Ngày 18/08/2014 vợ chồng vay 350.000.000đồng, ngày 10/9/2014 đã thanh toán được 170.000.000đồng, còn nợ 180.000.000đồng.

Tổng số tiền gốc nợ là 1.777.900.000đồng.

*** Về giấy vay nợ ông Ng khởi kiện số tiền 2.465.000.000đồng** xuất phát từ 13 khoản tiền tổng số tiền gốc là 882.900.000đồng, cụ thể:

1. Ngày 25.07.2011 vay 232.900.000đồng.

2. Ngày 01/08/2011 vay 130.000.000đồng.

3. Ngày 05/08/2011 vay 190.000.000đồng.

4. Ngày 11/08/2011 vay 20.000.000đồng.
 5. Ngày 12/08/2011 vay 20.000.000đồng.
 6. Ngày 16/8/2011 vay 10.000.000đồng
 7. Ngày 17/08/2011 vay 10.000.000đồng.
 8. Ngày 25/08/2011 vay 10.000.000đồng.
 9. Ngày 5/09/2011 vay 15.000.000đồng
 10. Ngày 6/09/2011 vay 30.000.000đồng.
 11. Ngày 07/09/2011 vay 100.000.000đồng (đã trả 40.000.000đồng, còn nợ 60.000.000đồng
 12. Ngày 24/09/2011 vay 50.000.000đồng.
 13. Ngày 28/09/2011 vay 150.000.000đồng.
- Tổng số tiền nợ gốc là 882.900.000

Sau đó chị H, anh Ng tính lãi của số nợ trên đến ngày 01/10/2011 cả gốc và lãi là 938.600.000đồng (trong đó tiền gốc 882.900.000đồng, tiền lãi của khoản vay trên 55.410.000đồng, sau đó vợ chồng ông, bà có vay thêm 300.000đồng) chị H, anh Ng trả giấy vay cũ và yêu cầu viết giấy vay mới.

Đến ngày 22/10/2012 cả gốc và lãi là 1.142.660.000đồng và yêu cầu viết giấy vay nợ mới, trả giấy vay nợ cũ.

Sau đó cứ một tháng chị H tính lãi một lần, chị H tự tính lãi và viết vào mặt sau giấy vay nợ, và yêu cầu vợ chồng ông, bà viết lại giấy vay nợ mới sau khi cộng gốc và lãi và trả lại cho vợ chồng ông, bà giấy vay nợ cũ, chị H tính lãi 1500đồng/ 1.000.000đồng/ ngày.

Đến ngày 26/08/2013 cả gốc và lãi là 2.446.000.000đồng.

Số nợ này chị H, anh Ng lại tiếp tục tính lãi của số tiền 2.446.000.000đồng, bắt đầu tính từ ngày 28/08/2013, cứ 60 ngày tính lãi một lần / 1200đồng/ 1.000.000đồng/ngày sau đó cộng cả gốc là lãi và lại tiếp tục tính lãi, đến ngày 26/12/2014 cả gốc và lãi là 4.297.800đồng, trong đó lãi là 1.832.800.000đồng. Ngày 28/12/2014 chị H yêu cầu viết lại giấy vay nợ mới và trả lại giấy vay nợ cũ năm 2013 nhưng khi viết lại viết vào ngày 22/12 (do bà L chép ngày từ giấy cũ năm 2013 sang), số tiền lãi vẫn tính đến ngày 28/12/2014, số nợ lãi này chị H yêu cầu viết vào một giấy vay nợ mới ngày 30/12/2014. Việc tính lãi chị H tính vào một quyển sổ và đưa cho ông, bà giữ và đã nộp cho Tòa án.

*** Về giấy vay nợ ông Ng khởi kiện số tiền 1.314.900.000đồng** xuất phát từ 6 khoản tiền tổng số tiền gốc là 460.000.000đồng đồng, cụ thể:

1. Ngày 14/10/2011 vay 30.000.000đồng.
2. Ngày 20/10/2011 vay 20.000.000đồng.
3. Ngày 30/11/2011 vay 100.000.000đồng.
4. Ngày 23/12/2011 vay 30.000.000đồng.
5. Ngày 13/01/2012 vay 90.000.000đồng.
6. Ngày 29/01/2012 vay 190.000.000đồng.

Tổng số tiền nợ gốc là 460.000.000đồng.

Sau đó chị H, anh Ng đã tính lãi từ 14/10/2011 đến 29/02/2012 cả gốc và lãi là 505.000.000đồng, anh Ng yêu cầu vợ chồng ông, bà viết giấy vay nợ mới thành 505.000.000đồng.

Từ ngày 22/02/2012 đến ngày 22/05/2012 anh Ng chị H tính lãi số tiền 505.000.000đồng thành 591.100.000đồng. Sau đó bắt viết lại giấy vay nợ mới thành 591.100.000đồng, sau đó chị H, anh Ngát lại tính lãi cứ 30 ngày một lần và lãi xuất là 1800đồng/ 1 triệu / ngày, cộng cả gốc và lãi và lại viết giấy vay nợ mới và cho đến ngày 22/03/2013 cả gốc và lãi là 1.049.000.000đồng.

Chị H , anh Ng lại yêu cầu viết giấy vay nợ mới và lại tiếp tục tính lãi là 1500đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, cứ một tháng lại viết lại giấy vay nợ một lần đến ngày 22/08/2013 cả gốc và lãi là 1.314.940.000đồng, chị H bớt 40.000đồng và yêu cầu vợ chồng ông, bà viết giấy vay nợ mới là 1.314.900.000đồng,

Sau đó kể từ ngày 22/08/2013 chị H, anh Ng tiếp tục tính lãi là 1200đồng/ 1 triệu / ngày và 60 ngày tính lãi một lần, chị H tự tính lãi vào 01 quyển vở học sinh và đưa cho ông, bà giữ, ông bà đã nộp cho Tòa án. Sau đó chị H, anh Ng lại cộng cả gốc là lãi lại tính lãi tiếp, đến ngày 22/12/2014 cả gốc và lãi là 2.292.820.000đồng, trong đó gốc là 1.314.940.000đồng, tiền lãi là 9.77.900.000đồng. Anh Ng chị H yêu cầu ông, bà viết lại giấy vay nợ vào ngày 22/12/2014 là 1.314.900.000đồng, còn tiền lãi thì cộng vào khoản vay mới là giấy vay nợ ngày 30/12/2014.

*** Về giấy vay nợ ông Ng khởi kiện số tiền 246.600.000đồng** xuất phát từ khoản tiền nợ gốc là 199.000.000đồng vay vào ngày 26/03/2013, sau đó chị H tính lãi đến 26/08/2013 là 135 ngày x 1500đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, tổng gốc và lãi là 244.600.000đồng, trong đó tiền lãi là 45.600.000đồng. Toàn bộ việc tính lãi là do chị H tính và viết vào mặt sau giấy vay nợ, viết giấy mới và trả lại giấy vay nợ cũ cho vợ chồng ông, bà. Sau đó chị H, anh Ng yêu cầu vợ chồng ông, bà viết thành giấy vay nợ mới vào ngày 26/08/2013.

Số nợ này chị H, anh Ng lại tiếp tục tính lãi vào một quyển sổ cứ 60 ngày tính lãi một lần, tiền lãi là 1200đồng/1.000.000đồng/ ngày sau đó lại cộng dồn thành nợ gốc là lại tính lãi tiếp, đến ngày 26/12/2014 cả gốc và lãi là 426.500.000đồng, trong đó tiền lãi là 171.900.000đồng, chị H tự tính lãi vào một quyển vở học sinh và đưa lại cho ông, bà giữ, chị H, anh Ng yêu cầu vợ chồng bà viết lại giấy vay nợ mới với số tiền nợ cũ, trả lại giấy vay nợ năm 2013 và số tiền lãi tính vào giấy vay nợ mới ngày 30/12/2014.

*** Về giấy vay nợ số tiền 56.000.000đồng** ngày 27/06/2014 vợ chồng ông, bà có vay số tiền này, do điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông bà chưa có điều kiện thanh toán số tiền này cho vợ chồng anh Ng, khi cho vay số tiền này thì không có thỏa thuận ngày trả, không thỏa thuận lãi xuất, mục đích vay tiền ông, bà cho người khác vay lại. Về số tiền này ông, bà đồng ý

thanh toán trả cho anh Ng, chị H số tiền gốc và tiền lãi theo lãi xuất quá hạn của Ngân hàng nhà nước.

*** Về giấy vay nợ số tiền 350.000.000đồng** vay ngày 18/08/2014 vợ chồng ông, bà có vay, ngày 10/9/2014 đã thanh toán được 170.000.000đồng, còn nợ 180.000.000đồng, do điều kiện làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông bà chưa có điều kiện thanh toán số tiền này cho vợ chồng anh Ng, khi cho vay số tiền này thì không có thỏa thuận ngày trả, không thỏa thuận lãi xuất, mục đích vay tiền ông, bà cho người khác vay lại. Về số tiền này ông, bà đồng ý thanh toán trả cho anh Ng, chị H số tiền gốc và tiền lãi theo lãi xuất quá hạn của Ngân hàng nhà nước.

*** Về giấy vay nợ ông Ngát khởi kiện số tiền 2.980.000.000đồng** vợ chồng ông, bà không vay nợ số tiền này, đây là khoản tiền lãi của 03 khoản vay mà vợ chồng ông, bà viết giấy vay năm 2013, cụ thể:

Khoản vay 2.465.000.000đồng viết giấy vay ngày 22/8/2013, chị H tính lãi từ ngày 28/08/2013 đến 28/12/2013, chị H tự tính và ghi vào một quyển sổ, số tiền lãi là 1.832.800.000đồng.

Khoản vay 1.314.900.000đồng viết giấy vay ngày 22/08/2013, chị H tính lãi từ ngày 22/08/2013 đến 22/12/2014 chị H tự tính và ghi vào một quyển sổ, số tiền lãi là 977.900.000đồng.

Khoản vay 244.600đồng viết giấy vay ngày 26/08/2013, chị H tính lãi từ ngày 26/08/2013 đến 26/12/2014 chị H tự tính và ghi vào một quyển sổ, số tiền lãi là 171.900.000đồng.

Tổng số tiền lãi của 03 khoản vay trên là 2.981.700.000đồng

Ngày 30/12/2014 chị H, anh Ng ép vợ chồng ông, bà phải viết một giấy vay nợ mới là khoản tiền lãi của 03 giấy vay nợ trên là 2.981.700.000đồng (chị H, anh Ng bớt đi cho vợ chồng ông, bà là 1.700.000đồng.)

Vợ chồng ông, bà không đồng ý trả anh Ng, chị H số nợ này vì đây là tiền lãi chứ không phải là tiền vay.

Nay anh Ng khởi kiện ông, bà đồng ý thanh toán trả cho anh Ng, chị H số nợ gốc là 1.777.900.000đồng kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất quá hạn của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm cho vay. Trong các giấy vay tiền thì không có thời hạn thanh toán, không thỏa thuận lãi xuất, nhưng có thỏa thuận miệng như mức chị H, anh Ng đã tính ở mặt sau các giấy vay nợ. Mục đích vay tiền ông, bà cho người khác vay lại.

Về số tiền ngày 22/9/2012 vợ chồng tôi có trả cho chị H 40.000.000đồng, số tiền này ông, bà không yêu cầu chị H, anh Ng phải trả lại cho ông, bà.

Về việc giám định chữ ký trong ngày 30/12/2014 vợ chồng ông, bà đã được thông báo kết luận giám định, ông, bà không đồng ý với kết luận giám định và có đơn đề nghị giám định lại, sau đó do không tìm được mẫu chữ ký của anh Ng ký năm 2014 nên ông, bà đã rút yêu cầu giám định lại.

Việc viết giấy vay nợ ngày 30/12/2014 của tiền lãi của các giấy vay nợ ông, bà đã ký nhận với anh Ng, chị H năm 2013 là do vợ chồng anh Ng ép buộc vợ chồng ông, bà ký và có sự chứng kiến của chị Nguyễn Thủy D lúc đó chị D có xuống nhà ông, bà đòi tiền do ông, bà không có nhà nên con trai ông, bà có dẫn chị D đến nhà anh Ng để đòi tiền ông, bà.

Trong quá trình vay tiền nhà anh Ngông, bà có 03 lần nhờ chị Nguyễn Thị Th là kế toán của gia đình đến nhà anh Ng nhận tiền hộ với tổng số tiền 160.000.000đồng, số tiền này chị Th đã giao lại cho ông, bà trong ngày.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà L có mời luật sư Nguyễn Bá Ng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà sau đó ông, bà đã có đơn từ chối luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà.

Nay ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Ng về số tiền nợ như trong các giấy vay nợ đã ký nhận với anh Ng năm 2014.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:
Do mối quan hệ họ hàng giữa gia đình nhà chị với nhà ông Th, bà L, chồng chị có cho ông Th, bà L vay số tiền 7.242.500.000đồng, cho vay tại nhà chị, vay làm nhiều lần, chồng chị có giao tiền cho ông Th, bà L còn giao nhận tiền như thế nào thì chị không biết.

Có việc chị cho vợ chồng ông Th bà L vay tiền từ năm 2011 đến năm 2013. Mặt sau của những giấy vay tiền có chữ viết tính lãi của chị (H). Nhưng những khoản tiền vay này đã thanh toán xong với nhau. Sau khi thanh toán xong thì vợ chồng ông Th, bà L lại vay đúng số tiền như vậy.

Toàn bộ giấy vay nợ năm 2013 thì các bên đã thanh toán hết với nhau.

Ngày 30/12/2014 không có việc vợ chồng chị tính lãi của các khoản vay năm 2013 và cũng không có việc viết giấy vay nợ mới và trả giấy vay nợ cũ như bà L trình bày.

Không có việc vợ chồng chị ép buộc ông Th, bà L phải viết giấy nhận nợ vào hồi 23 giờ 50 phút ngày 30/12/2014 và không có người nào là D chứng kiến sự việc đó tại nhà tôi.

Về khoản tiền 2.465.000.000đồng vay vào ngày 22/12/2014 đây là tiền gốc chứ không phải là lãi cộng dồn, chị chưa bao giờ viết giấy đòi nợ cho anh Th, chị L, toàn bộ khoản vay anh Th chị L giao dịch với chồng chị, chị không được chứng kiến.

Đối với quyển sổ do bà L xuất trình thì chữ viết trong quyển sổ là chữ viết của chị (H). Nhưng đây là nháp của các khoản vay trước, không liên quan đến khoản vay của chồng chị cho vay và cũng không liên quan đến khoản vay 2.980.000.000đ mà chồng chị khởi kiện ra tòa.

Do điều kiện công việc và con nhỏ, chị xin được vắng mặt tại các buổi đối chất, các phiên họp xét chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có làm việc với chị Nguyễn Thùy D** là người làm chứng theo đề nghị của ông Đỗ Huy Th, chị D có trình bày: Chị có quan hệ làm ăn và là khách hành của ông Th, bà L. Chị nhớ vào ngày 30/12/2014 chị có xuống nhà ông Th, bà L để thanh toán tiền cước xe. Khoảng 20 giờ 30 phút chị xuống nhà ông Th, chờ khoảng đến 22 giờ không thấy ông Th về nên tôi có nhờ con trai ông Th đưa đến chỗ ông bà ông Th đang ở đó. Nhà chị đến cách nhà ông Th khoảng mấy trăm mét, trong nhà có 04 người có bà L ông Th và 01 người đàn ông và một người đàn bà, ông Th và một ông đàn ông ngồi ở bộ bàn ghế, bà L ngồi với một người đàn bà gần cửa. Lúc chị vào bà L đứng dậy chuẩn bị về thì người đàn bà và người đàn ông có nói phải ký mới được về và cũng nói với ông Th như vậy giọng rất gay gắt, sau đó chị thấy ông Th, bà L ký vào nhiều tờ giấy, cụ thể ký vào bao nhiêu tờ chị không nhớ, và nội dung cụ thể các tờ như thế nào chị cũng không biết chỉ biết ký vào giấy biên nhận nợ. Sau khi ký xong thì chị cùng với vợ chồng ông Th đi về, không thấy có việc giao nhận tiền, lúc ở nhà người đàn ông về khoảng 23 giờ đêm, ngoài ra không biết sự việc nào khác.

Hiện nay do điều kiện ở xa và do công việc chị xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, mọi nội dung chị được chứng kiến chị đã trình bày tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án bà L có xuất trình một giấy vay tiền ngày 30/12/2014 trong giấy có thể hiện đây là tiền lãi của các giấy vay nợ năm 2013, có chữ ký của ông Ng, ông Ng cho rằng đây không phải chữ ký của ông Ng. Ngày 18/09/2017 ông Nguyễn Ngọc Ng có đơn đề nghị giám định chữ ký trong giấy vay nợ do bà L xuất trình. Tại kết luận giám định số 1450/KLGĐ- PC 54 ngày 25/09/2017 kết luận: Chữ ký Nguyễn Ngọc Ng dưới mục “ Người cho vay”trên tài liệu cần giám định so sánh với chữ ký của Nguyễn Ngọc Ng trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1-M11 là không phải do cùng một người ký ra.

Trong các giấy vay nợ mà bà L, ông Th vay của anh Ng, chị H thì có 03 khoản vay do chị Nguyễn Thị Th là kế toán nhận tiền hộ tại nhà anh Ng, chị H. Ngày 10/01/2018 chị Nguyễn Thị Th đã có đơn gửi cho Tòa án nội dung: Ngày 1/08/2011 chị có nhận hộ bà L số tiền 130.000.000đồng, ngày 17/8/2011 chị có nhận hộ bà L 10.000.000đồng, ngày 25/8/2011 chị có nhận hộ bà L 10.000.000đồng, số tiền này chị đã về đưa lại cho bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Khoản tiền mà ông Th, bà L vay năm 2014 không liên quan đến các khoản vay mà vợ ông cho vay từ năm 2011 đến năm 2013, ông có biết vợ ông cho vay và tính lãi như trong các giấy vay nợ, nhưng khoản nợ này ông Th, bà L đã thanh toán trả cho vợ ông. Ông yêu cầu ông Th bà L trả cho ông số tiền nợ

7.242.500.000đồng và tiền lãi đồng ý với mức lãi xuất quá hạn tại thời điểm vay như ông Th, bà L đề nghị trả cho ông.

Bị đơn ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L trình bày: Ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng, ông bà chỉ đồng ý thanh toán cho ông Ng, chị H số tiền nợ gốc là 1.777.900.000đồng và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất quá hạn của ngân hàng nhà nước, số nợ của ông, bà xuất phát từ các khoản vay từ năm 2011 toàn bộ giấy tờ tính lãi và chuyển giấy vay nợ cũ viết giấy vay nợ mới, ông Ng, bà H trả cho ông bà, ông bà đều giữ lại và đã nộp cho Tòa án. Đối với khoản vay ngày 30/12/2014 thì đây là tiền lãi của các giấy vay nợ năm 2013, chị H là người tính lãi và viết vào một quyển vở học sinh đưa cho ông bà, ông, bà đã nộp cho Tòa án. Ông bà chưa bao giờ nhận tiền vay từ anh Ng, và từ khi vay chị H năm 2011 cho đến nay thì vợ chồng ông, bà chưa trả được tiền như chị H trình bày. Về số tiền 40.000.000đồng vợ chồng ông, bà đã trả cho chị H trong quá trình vay nợ nay ông, bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2013 chị có cho ông Th, bà L vay tiền và có tính lãi như các giấy vay nợ bà L xuất trình, trong các giấy vay nợ mặt sau tính lãi có một số tờ là chữ của bà L, quyển sổ bà L xuất trình là chị tính lãi của các khoản vay bà L vay chị, số tiền chị cho vay ông Th bà L đã thanh toán xong cho chị, cứ cộng gốc và lãi bà L trả chị sau đó lại vay số tiền như vừa trả, chị trả lại giấy vay nợ và yêu cầu viết giấy vay nợ mới, khi trả thì chị không nhớ thời gian trả khi nào, trả không ký nhận tiền. Năm 2014 chồng chị anh Ng có cho vợ chồng ông Th, bà L vay khoản tiền anh Ng cho vay không liên quan đến khoản tiền mà chị đã cho vay từ năm 2011 đến năm 2013.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Ngọc Ng:

1. Buộc vợ chồng ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H số tiền là: 3.218.328.000 đồng, (trong đó 1.777.900.000 đồng tiền gốc và 1.440.428.000đồng tiền lãi).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng số tiền 4.024.172.000đồng.

3. Về tiền giám định: Ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Ng số tiền 3.000.000đồng chi phí giám định.

Ông Nguyễn Ngọc Ng được nhận số tiền 3.000.000đồng tiền chi phí giám định do ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L thanh toán.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Ng, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Nguyễn Thùy D là người làm chứng theo đề nghị của ông Đỗ Huy Th có ý kiến xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giữa ông Nguyễn Ngọc Ng, bà Nguyễn Thị Thu H với ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Trong thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 12/2014 ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L có viết 06 giấy nhận nợ - vay tiền của ông Nguyễn Ngọc Ng, tổng số tiền trong 06 giấy nhận nợ vay tiền là 7.242.500.000đồng, khi viết giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi xuất, không thỏa thuận thời gian trả, trong quá trình cho vay nợ ông Ng có nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Th, bà L trả nợ nhưng ông Th, bà L chưa trả được tiền. Đến ngày 13/06/2017 ông Nguyễn Ngọc Ng nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu vợ chồng ông Th, bà L phải thanh toán cho ông số tiền 7.242.500.000đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 157 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1]. Về số tiền vay 2.465.000.000đồng ông Th, bà L viết và ký vào giấy nhận nợ vay tiền vào ngày 22/12/2014: Ông Ng cho rằng đây là số tiền ông cho vợ chồng bà L, ông Th vay vào ngày 22/12/2014 số tiền này không liên quan đến các khoản vay năm 2011 đến năm 2013 mà bà H là vợ ông cho vay. Ông Th, bà L cho rằng số tiền này là tiền gốc và tiền lãi cộng dồn từ các khoản vay năm 2011, sau đó đến ngày 22/8/2013 cả gốc và lãi thành 2.465.000.000đồng, sau đó chị H tính lãi vào một quyển vở học sinh từ ngày 28/8/2013 cho đến 28/12/2014 cả gốc và lãi là 4.297.800.000đồng (trong đó gốc là 2.465.000.000đồng, lãi là 1.832.800.000đồng), chị H yêu cầu ông, Th, bà L viết chuyển giấy vay nợ sang năm 2014. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th bà L đã cung cấp cho Tòa án 13 giấy vay nợ với tổng số tiền vay là 882.900.000đồng, và cung cấp cho Tòa án 06 giấy vay tiền trong đó có thể hiện chị H có tính lãi từ khoản vay 882.900.000đồng từ ngày vay cho đến ngày 22/8/2013 là 2.465.000.000đồng chị H tính lãi ở mặt sau tờ giấy vay nợ trong đó cứ 30 ngày tính lãi một lần, lãi xuất 1500đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, sau khi tính lãi viết vào giấy nợ mới cả gốc và lãi cộng dồn và trả lại giấy vay nợ cũ. Đối với số tiền 2.465.000.000đồng chị H lại tiếp tục tính lãi từ ngày 28/8/2013 đến 28/12/2014 cứ 60 ngày chị H tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, đến ngày 28/12/2014 số tiền cả gốc và lãi là 4.297.800.000đồng(trong đó 2.465.000.000đồng tiền gốc, 1.832.280.000đồng là tiền lãi), chị H là người trực tiếp tính lãi vào 01 quyển vở học sinh. Như vậy số tiền trong giấy nhận nợ - vay tiền ngày 22/12/2014 là giấy chuyển nợ từ năm 2013 sang năm 2014 là có căn cứ, xác định số tiền trong giấy nhận nợ- vay tiền ngày 22/12/2014 xuất phát từ 13 khoản vay từ ngày 25/07/2011 đến 28/09/2011 với số tiền gốc là 882.900.000đồng. Do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng buộc vợ chồng ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Ng, bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ gốc là 882.900.000đồng, bác yêu cầu đối với số tiền khởi kiện không được chấp nhận 1.582.100.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và điều 469 Bộ luật dân sự.

[4.2]. Về số tiền vay 1.314.900.000đồng ông Th, bà L viết và ký vào giấy nhận nợ vay tiền vào ngày 22/12/2014: Ông Ng cho rằng đây là số tiền ông cho vợ chồng bà L, ông Th vay vào ngày 22/12/2014 số tiền này không liên quan đến các khoản vay năm 2011 đến năm 2013 mà bà H là vợ ông cho vay. Ông Th, bà L cho rằng số tiền này là tiền gốc và tiền lãi cộng dồn từ các khoản vay năm 2011, sau đó đến ngày 22/8/2013 cả gốc và lãi thành 1.314.900.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th bà L đã cung cấp cho Tòa án 06 giấy vay nợ với tổng số tiền vay là 460.000.000đồng, và cung cấp cho Tòa án 05 giấy vay tiền trong đó có thể hiện chị H có tính lãi từ khoản vay 460.000.000đồng từ ngày vay cho đến ngày 29/02/2012 cả gốc và lãi là 505.000.000đồng và viết giấy vay nợ mới thành 505.000.000đồng.

Từ ngày 22/02/2012 đến ngày 22/05/2012 anh Ng chị H tính lãi số tiền 505.000.000đồng thành 591.100.000đồng. Sau đó viết lại giấy vay nợ mới thành 591.100.000đồng, chị H, anh Ng lại tiếp tục tính lãi cứ 30 ngày một lần và lãi xuất là 1800đồng/ 1 triệu / ngày, cộng cả gốc và lãi và lại viết giấy vay nợ mới và cho đến ngày 22/03/2013 cả gốc và lãi là 1.049.000.000đồng. Chị H , anh Ng lại yêu cầu viết giấy vay nợ mới và lại tiếp tục tính lãi là 1500đồng/ 1.000.000đồng/ ngày , cứ một tháng tính lãi và lại viết lại giấy vay nợ một lần đến ngày 22/08/2013 cả gốc và lãi là 1.314.940.000đồng, chị Ngát bớt 40.000đồng và yêu cầu viết giấy vay nợ mới là 1.314.900.000đồng. Đối với số tiền 1.314.900.000đồng chị H lại tiếp tục tính lãi từ ngày 22/8/2013 đến 22/12/2014 cứ 60 ngày chị H tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, đến ngày 22/12/2014 số tiền cả gốc và lãi là 2.292.820.000đồng(trong đó 1.314.900.000đồng tiền gốc, và 977. 920.000đồng là tiền lãi), chị H là người trực tiếp tính lãi vào 01 quyển vở học sinh. Như vậy có căn cứ xác định giấy nhận nợ - vay tiền ngày 22/12/2014 là giấy chuyển nợ từ năm 2013 sang năm 2014, xác định số tiền trong giấy nhận nợ- vay tiền ngày 22/12/2014 xuất phát từ 06 khoản vay từ ngày 14/10/2011 đến 29/01/2012 với số tiền gốc là 460.000.000đồng. Do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng buộc vợ chồng ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Ng, bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ gốc là 460.000.000đồng, bác yêu cầu đối với số tiền khởi kiện không được chấp nhận 854.900.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và điều 469 Bộ luật dân sự.

[4.3]. Về số tiền vay 246.600.000đồng ông Th, bà L viết và ký vào giấy nhận nợ vay tiền vào ngày 26/12/2014: Ông Ng cho rằng đây là số tiền ông cho vợ chồng bà L, ông Th vay vào ngày 26/12/2014 số tiền này không liên quan đến các khoản vay năm 2011 đến năm 2013 mà bà H là vợ ông cho vay. Ông Th, bà L cho rằng số tiền này là tiền gốc và tiền lãi cộng dồn từ khoản vay 199.000.000đồng ngày 26/03/2013. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th bà L đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay nợ với tổng số tiền vay là 199.000.000đồng trong đó có thể hiện chị H có tính lãi từ khoản vay 199.000.000đồng từ ngày vay 26/03/2013 cho đến ngày 26/08/2013 là 135 ngày 1500đồng/ 1 triệu/ ngày, tiền lãi là 45.600.000đồng cả gốc và lãi là 246.600.000đồng và viết giấy vay nợ mới ngày 26/8/2013 thành 246.600.000đồng.

Đối với số tiền 246.600.000 đồng chị H lại tiếp tục tính lãi từ ngày 26/8/2013 đến 26/12/2014 cứ 60 ngày chị H tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1.000.000đồng/ ngày, sau đó cộng cả gốc và lãi, đến ngày 22/12/2014 số tiền cả gốc và lãi là 426.500.000đồng (trong đó gốc là 246.600.000đồng, lãi là 171.900.000đồng), chị H là người trực tiếp tính lãi vào 01 quyển vở học sinh. Như

vậy có căn cứ xác định số tiền trong giấy nhận nợ - vay tiền ngày 26/12/2014 là giấy chuyển nợ từ năm 2013 sang năm 2014 là có căn cứ, xác định số tiền trong giấy nhận nợ- vay tiền ngày 22/12/2014 xuất phát từ khoản vay ngày 26/03/2013 với số tiền là 199.000.000đồng. Do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng buộc vợ chồng ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc Ng, bà Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ gốc là 199.000.000đồng, bác yêu cầu đối với số tiền khởi kiện không được chấp nhận 45.600.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và điều 469 Bộ luật dân sự.

[4.4]. Về số tiền vay 2.980.000.000đồng ông Th, bà L viết và ký vào giấy nhận nợ vay tiền vào ngày 30/12/2014: Ông Ng cho rằng đây là số tiền ông cho vợ chồng bà L, ông Th vay vào năm 2014 số tiền này không phải là tiền lãi. Ông Th, bà L cho rằng số tiền này là khoản tiền lãi của 03 khoản vay mà vợ chồng ông, bà viết giấy vay năm 2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà L có xuất trình được 01 quyển vở học sinh trong đó có thể hiện, tại trang 1 của quyển vở học sinh có thể hiện H, Ng tính lãi hàng tháng, ngày 28/8 số tiền 2^T.465 đồng tính lãi từ ngày 28/8, cứ 60 ngày tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1 triệu/ ngày, tính thành 08 mã, sau đó cộng cả gốc và lãi và lại tiếp tục tính lãi đến ngày 28/12/2014 số tiền cả gốc và lãi là 4.297.880.000đồng, sau đó tại trang 5 của quyển vở có thể hiện $42978 - 24650 = 18328$ đây là tiền lãi của khoản vay 2.465.000.000đồng.

Tại trang 2 của quyển vở học sinh có thể hiện ngày 22/8/2013 số tiền 1.314.900đồng tính lãi từ ngày 22/8/2013, cứ 60 ngày tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1 triệu/ ngày, tính thành 08 mã sau đó cộng cả gốc và lãi và lại tiếp tục tính lãi đến ngày 22/12/14 số tiền cả gốc và lãi là 2.292.820.000đồng, sau đó tại trang 5 của quyển vở có thể hiện $229282 - 131490 = 97792$ (đây là tiền lãi của khoản vay 1.314.900.000đồng)

Tại trang 3 của quyển vở học sinh có thể hiện ngày 26/8/2013 số tiền 2^t44.600đồng tính lãi từ 26/08/2012, cứ 60 ngày tính lãi một lần, lãi xuất 1200đồng/ 1 triệu/ ngày, tính thành 08 mã sau đó cộng cả gốc và lãi và lại tiếp tục tính lãi đến ngày 26/12/14 số tiền cả gốc và lãi là $426.500 - 2446 = 171.900$ đồng(đây là tiền lãi của khoản vay 244600.000đồng)

Tại trang 5 của quyển vở học sinh có thể hiện chị H cộng 03 khoản tiền lãi là $1.832.8 + 977.9 + 171 = 29817$ (chị H không viết các số 0 ở đằng sau các chữ số(số tiền thực tế là $1.832.800.000 + 977.9000.000 + 171.000.000 = 2.981.7000.000$ đồng. Bà L có trình bày sau khi chị H, ông Ng cộng tiền lãi vào thì có yêu cầu vợ chồng ông Th, bà L viết giấy vay nợ mới vào ngày 30/12/2014 và bớt cho số tiền 1.700.000đồng.

Chị H thừa nhận chữ viết trong quyển vở là của chị H, ông Ng cho rằng đây là quyển nháp và số liệu không đúng là không có căn cứ vì nó khớp với thời gian,

khớp với số tiền trong các giấy vay nợ, như vậy có đủ căn cứ xác định số tiền 2.981.000.000 trong giấy vay nợ ngày 30/12/2014 mà ông Ng khởi kiện là tiền lãi của 03 giấy vay nợ năm 2013, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Ng, chị H.

[4.5]. Về số tiền vay 56.000.000 đồng vay vào ngày 27/06/2014 ông Ng yêu cầu ông Th, bà L phải thanh toán, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà L thừa nhận có vay của ông Ng số tiền trên, khi vay không ấn định thời hạn thanh toán, không thỏa thuận lãi xuất. Nay ông bà đồng ý thanh toán cho ông Ng, chị H số tiền trên. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và điều 469 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu này cần được chấp nhận.

[4.6]. Về số tiền vay 350.000.000 đồng vay vào ngày 18/08/2014, sau đó ngày 10/9/2014 đã ông Th, bà L đã thanh toán được 170.000.000 đồng, còn nợ 180.000.000 đồng, ông Ng yêu cầu ông Th, bà L phải thanh toán, cho ông số tiền 180.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà L thừa nhận có vay của ông Ng số tiền trên. Nay ông bà đồng ý thanh toán cho ông Ng chị H số tiền 180.000.000 đồng. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463; Điều 466 và điều 469 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu này cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án chị H, ông Ng có thừa nhận trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2013 chị H có cho ông Th, bà L vay số tiền như bà L xuất trình trong các giấy vay tiền, mặt sau của các giấy vay tiền có việc tính lãi ngày, và mức lãi xuất, việc tính lãi do chị H tính và chữ của chị H. Chị H, ông Ng cho rằng các bên đã thanh toán xong với nhau từ năm 2013 sau khi thanh toán xong lại vay đúng số tiền như lúc trả, và quyền vỡ học sinh mà bà L nộp chị H thừa nhận là chữ của chị H, chị H tính lãi các khoản vay mà chị H cho bà L vay trước đó. Như vậy có đủ căn cứ xác định chị H, ông Ng có cho ông Th, bà L vay số tiền 1.777.900.000 đồng. Cần buộc ông Th, bà L phải thanh toán cho ông Ng số tiền 1.777.900.000 đồng tiền nợ gốc là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4.7] Về yêu cầu tính lãi ông Ng quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông Th, bà L đồng ý trả anh Ng tiền lãi theo mức lãi xuất nợ quá hạn của Ngân hàng tại thời điểm vay tiền, ông Ng đồng ý với mức lãi xuất trên thì thấy: Theo như giấy biên nhận vay tiền thì giữa ông Ng với bà L, ông Th không quy định lãi xuất, nhưng trong quá trình vay nợ các các bên đã tính lãi theo ngày và vượt quá quy định của pháp luật. Tại thời điểm từ năm 2011 đến 30/12/2014 lãi xuất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/ năm, lãi xuất quá hạn không quá 150% lãi xuất cơ bản, như vậy lãi xuất quá hạn là 13%/ năm. Nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của số tiền 1.777.900.000 đồng, thời hạn tính lãi được tính từ ngày vay, được tính cụ thể như sau:

1. Số tiền 30.000.000đồng vay ngày 14/10/2011 đến ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 06 tháng, 06 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 26.392.500đồng.
2. Số tiền 20.000.000đồng vay ngày 20/10/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 06 tháng x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 17.550.000đồng
3. Số tiền 100.000.000đồng vay ngày 30/11/2011 đến ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 04 tháng, 20 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 86.250.000đồng
4. Số tiền 30.000.000đồng vay ngày 23/12/2011 đến ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 03 tháng, 27 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 25.616.250đồng
5. Số tiền 90.000.000đồng vay ngày 13/01/2012 đến ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 03 tháng, 07 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 76.173.750đồng
6. Số tiền 190.000.000đồng vay ngày 29/01/2012 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 02 tháng, 21 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 159.671.250đồng
7. Số tiền 199.000.000đồng vay ngày 26/03/2013 ngày xét xử 20/04/2018 là 05 năm, 24 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 136.116.000đồng
8. Số tiền 232.900.000đồng vay ngày 25/07/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 25 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 211.793.483đồng
9. Số tiền 130.000.000đồng vay ngày 01/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 19 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 117.926.250đồng
10. Số tiền 190.000.000đồng vay ngày 05/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 15 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 172.068.750đồng
11. Số tiền 20.000.000đồng vay ngày 11/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 9 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 18.067.500đồng
12. Số tiền 20.000.000đồng vay ngày 12/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 8 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 18.060.500đồng
13. Số tiền 10.000.000đồng vay ngày 16/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 4 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 9.015.000đồng
14. Số tiền 10.000.000đồng vay ngày 17/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 08 tháng, 3 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 9.011.250đồng
15. Số tiền 10.000.000đồng vay ngày 25/08/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 07 tháng, 25 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 8.981.250đồng
16. Số tiền 15.000.000đồng vay ngày 05/09/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 07 tháng, 15 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 13.415.625đồng
17. Số tiền 30.000.000đồng vay ngày 06/09/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 07 tháng, 14 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 26.820.000đồng
18. Số tiền 60.000.000đồng vay ngày 07/09/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 07 tháng, 13 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 53.617.500đồng
19. Số tiền 5.000.000đồng vay ngày 24/09/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 06 tháng, 26 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 4.436.250đồng
20. Số tiền 150.000.000đồng vay ngày 28/09/2011 ngày xét xử 20/04/2018 là 06 năm, 06 tháng, 22 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 132.862.500đồng

21. Số tiền 56.000.000đồng vay ngày 27/06/2014 ngày xét xử 20/04/2018 là 03 năm, 09 tháng, 23 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 28.833.000đồng

22. Số tiền 180.000.000đồng vay ngày 18/08/2014 ngày xét xử 20/04/2018 là 03 năm, 7 tháng, 10 ngày x 13%/ năm (1,125% / tháng) = 87.750.000đồng

Tổng số tiền lãi của khoản vay 1.777.900.000đồng trong 22 giấy vay nợ của vợ chồng ông Th, bà L phải trả cho ông Ng, bà H là 1.440.428.000đồng.

Tổng số tiền cả gốc và lãi ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải trả cho anh Ng, chị H là: 1.777.900.000 đồng + 1.440.428.000đồng = 3.218.328.000 đồng.

[4.8] Bác yêu cầu của ông Ng về số tiền khởi kiện không được chấp nhận là 4.024.172.000đồng.

Về việc giám định chữ ký trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng đã nộp số tiền 3.000.000chi phí giám định chữ ký, tại bản kết luận giám định chữ ký thể hiện chữ ký trong giấy vay nợ - nhận tiền ngày 30/12/2014 do bà L xuất trình không phải là chữ ký của ông Ng, sau khi nhận được kết luận giám định ông Th, bà L đã có đơn đề nghị giám định lại, sau đó ông Th bà L lại có ý kiến xin rút yêu cầu giám định lại do chưa tìm được chữ ký của ông Ng tại thời điểm năm 2014 để làm mẫu so sánh.

Ông Th, bà L cho rằng khi ký giấy vay tiền ngày 30/12/2014 là do bị ông Ng, chị H ép buộc, quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà L không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị vợ chồng ông Ng đe dọa, ép buộc ông, bà phải ký giấy, ông Th, bà L đưa ra người làm chứng là chị D có chứng kiến sự việc bị vợ chồng ông Ng ép phải ký giấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông Ng trình bày khi vợ chồng ông cho vợ chồng ông Th, bà L vay tiền không có ai chứng kiến, do vậy không có đủ căn cứ xác định có việc ông Th, bà L bị ép buộc ký.

Về việc chị Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Bích L đều thừa nhận có việc chị Th nhận tiền hộ bà L từ nhà ông Ng tổng số tiền 160.000.000đồng , sau đó chị Th đã đưa lại ngày cho ông Ng, nên không cần xem xét về việc nhận tiền hộ nay.

Về số tiền 40.000.000đồng trong quá trình ông Th, bà L vay tiền của ông Ng, chị H đã thanh toán cho chị H ngày 11/5/2012, nay ông Th, bà L không đề nghị xem xét số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về việc mời luật sư: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th, bà L đã có đơn từ chối luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà.

[5]. Về chi phí giám định, ông Th, bà L phải chịu 3.000.000đồng tiền chi phí giám định chữ ký của ông Ng. Ông Ng được nhận lại số tiền 3.000.000đồng, tiền chi phí giám định chữ viết do ông Th, bà L thanh toán.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Huy Th phải chịu án phí DSST theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 184; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Áp dụng Điều 163, Điều 169; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477; Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng.

[2.1]. Buộc vợ chồng ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H số tiền là: 3.218.328.000 đồng, (trong đó 1.777.900.000 đồng tiền gốc và 1.440.428.000 đồng tiền lãi).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

[2.2]. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Ng số tiền 4.024.172.000 đồng.

[3]. Về tiền chi phí giám định: Ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Ng số tiền 3.000.000 đồng chi phí giám định.

Ông Nguyễn Ngọc Ng được nhận số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí giám định do ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L thanh toán.

[4]. Về án phí: Ông Đỗ Huy Th, bà Nguyễn Bích L phải chịu 96.366.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 112.024.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền 58.121.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Ngọc Ng đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0002384 ngày 14/6/2017, tại chi cục Thi hành án huyện Lạng Giang, ông Nguyễn Ngọc Ng, chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp thêm số tiền 53.903.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- VKSND H Lạng Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự H. Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Lê Thu Hà

